



Người được bảo hiểm :
Mã số Người được BH :
Thời hạn bảo hiểm :
Chương trình bảo hiểm :
Chủ hợp đồng :
Số hợp đồng :
Bảo lãnh viện phí ngoại trú :
Đồng chi trả / MMT :

Please present this card and your ID card/Passport whenever you come to the Hospital/Clinic for treatment.

Vui lòng xuất trình thẻ y tế FamilyCare này cùng với Căn cước công dân/Hộ chiếu khi Quý khách đến khám, điều trị tại các Bệnh viện/Phòng khám.

For 24/7 Travel Emergency Assistance

Liên hệ hỗ trợ vận chuyển khẩn cấp 24/7

 **(84-28) 38 247 123**

For other inquiries

Liên hệ cho các yêu cầu khác

 StarCall 24/7
***1122**

 Miễn cước 24/7
1800 599 998

Note: This card does not guarantee payment. / *Lưu ý: Thẻ này không có giá trị cam kết thanh toán.*

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM LIBERTY

Tầng 18, Tòa nhà Vincom | 45A Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM

ĐT: (84-28) 38.125.125 - Fax: (84-28) 38.125.018

Email: hotline@libertyinsurance.com.vn

www.libertyinsurance.com.vn



Giới thiệu chung về sản phẩm FamilyCare



1. Vị trí của FamilyCare trong bộ các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe của Liberty Vietnam

- Sản phẩm cùng *phân khúc tương đương* MediCare về hạn mức cũng như phí nhưng vượt trội hơn MediCare
- Chỉ dành cho khách hàng cá nhân (chủ hợp đồng là cá nhân)
 - Người được bảo hiểm có thể là cá nhân hoặc gia đình



2. Đặc điểm nổi bật của FamilyCare

1. Bảo Hiểm Toàn Diện

- Hạn mức lên tới 1.5 tỉ thuộc mức hấp dẫn nhất thị trường trong phân khúc sản phẩm trung cấp
- Bảo hiểm cho tai nạn và bệnh tật, kể cả bệnh hiểm nghèo như ung thư
- Quyền lợi chăm sóc sức khỏe bao gồm kiểm tra sức khỏe định kỳ và tiêm ngừa
- Khám, chữa bệnh và vận chuyển y tế cấp cứu ở Việt Nam và nước ngoài

2. Thiết Thực Cho Gia Đình

- Quyền lợi giường thêm cho cha mẹ khi con được bảo hiểm nhập viện
- Quyền lợi thai sản áp dụng cho gia đình
- Tuổi tối đa được bảo hiểm lên tới 74 tuổi
- Cam kết tái tục

3. Đơn Giản, Linh Hoạt và Minh Bạch

- Không giới hạn số ngày nằm viện & số lần khám bệnh
- Với 5 chương trình bảo hiểm và các quyền lợi bổ sung, khách hàng được toàn quyền lựa chọn quyền lợi bảo hiểm phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính
- Thủ tục bồi thường minh bạch và nhanh chóng trong 7 ngày làm việc



2. Đặc điểm nổi bật của FamilyCare

Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe cá nhân dành cho cá nhân và gia đình						
		<u>BRONZE</u>	<u>SILVER</u>	<u>GOLD</u>	<u>PLATINUM</u>	<u>DIAMOND</u>
	Hạn mức bảo hiểm nội trú	150 triệu	250 triệu	500 triệu	1 tỷ	1.5 tỷ
	Hạn mức bảo hiểm ngoại trú	10 triệu	15 triệu	20 triệu	35 triệu	100 triệu
	Quyền lợi Nha Khoa	Có thể kết hợp với chương trình ngoại trú với hạn mức năm là 10 triệu VNĐ				
	Quyền lợi Thai Sản	Có thể kết hợp với chương trình nội trú với hạn mức năm là 50 triệu VNĐ				
	Khu vực bảo hiểm	<input type="checkbox"/> Vùng 0: Vietnam; <input type="checkbox"/> Vùng 5: Đông Nam Á (trừ Singapore)				



3. Đặc điểm **MỚI** của FamilyCare

	<u>Liberty FamilyCare</u>	<u>Liberty MediCare</u>
<input type="checkbox"/> VÙNG BẢO HIỂM	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Việt Nam ✓ ĐNA trừ Singapore 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Việt Nam
<input type="checkbox"/> QUYỀN LỢI NỘI TRÚ		
• Hạn mức tối đa	✓ 1.5 tỉ VNĐ	▪ 1 tỉ VNĐ
• Trợ cấp bệnh viện công	✓ Áp dụng	▪ Không áp dụng
• Trợ cấp mai táng	✓ Áp dụng	▪ Không áp dụng
<input type="checkbox"/> QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ		
• Hạn mức tối đa	✓ 100 triệu VNĐ	▪ 30 triệu VNĐ
• Tiêm vắc-xin	• Áp dụng	• Không áp dụng
• Kiểm tra sức khỏe định kỳ	• Áp dụng	• Không áp dụng
• Chăm sóc thị lực	• Áp dụng	• Không áp dụng
<input type="checkbox"/> QUYỀN LỢI THAI SẢN		
• Thai sản cho cá nhân	✓ Áp dụng	▪ Không áp dụng



Chi tiết về sản phẩm FamilyCare



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHƯƠNG TRÌNH NỘI TRÚ

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1 Bronze	Chương trình F2 Silver	Chương trình F3 Gold	Chương trình F4 Platinum	Chương trình F5 Diamond
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
Chi phí nằm viện					
- Chi phí bác sĩ phẫu thuật - tối đa cho 1 năm hợp đồng	25,000,000	50,000,000	100,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
- Chi phí bác sĩ gây mê - tối đa cho 1 năm hợp đồng	10,000,000	25,000,000	50,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
- Tất cả các chi phí nằm viện khác - tối đa cho 1 năm hợp đồng	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
- Tiền phòng và ăn uống – theo ngày	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 1,000,000	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 2,000,000	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 3,000,000	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 4,000,000	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 5,000,000
- Phòng săn sóc đặc biệt – theo ngày	3,000,000	6,000,000	9,000,000	12,000,000	15,000,000
- Giường cho người nhà – theo ngày (cùng phòng với trẻ em dưới 18 tuổi, tối đa 10 ngày/năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1 Bronze	Chương trình F2 Silver	Chương trình F3 Gold	Chương trình F4 Platinum	Chương trình F5 Diamond
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
Điều trị ung thư Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày cho ung thư tại bệnh viện Tối đa cho một năm hợp đồng	50,000,000	125,000,000	250,000,000	500,000,000	Toàn bộ
Điều trị trong ngày Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện, bao gồm phẫu thuật ngoại trú	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Dịch vụ xe cấp cứu Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ Bệnh viện tại địa phương	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Cấy ghép bộ phận Đối với thận, tim, gan và tủy xương Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	500,000,000	Toàn bộ



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1 Bronze	Chương trình F2 Silver	Chương trình F3 Gold	Chương trình F4 Platinum	Chương trình F5 Diamond
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
Điều trị trước và sau khi nằm viện	6,000,000	8,000,000	10,000,000	20,000,000	30,000,000
Chi phí ngoại trú phát sinh ngay trước khi nhập viện và ngay sau khi xuất viện (Tối đa cho mỗi lần nằm viện)					
- Điều trị trước khi nằm viện - tối đa cho một năm hợp đồng (Tối đa 30 ngày liên tục ngay trước khi nhập viện)	3,000,000	4,000,000	5,000,000	10,000,000	15,000,000
- Điều trị sau khi xuất viện - tối đa cho một năm hợp đồng (Tối đa 90 ngày liên tục ngay sau khi xuất viện)	3,000,000	4,000,000	5,000,000	10,000,000	15,000,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1 Bronze	Chương trình F2 Silver	Chương trình F3 Gold	Chương trình F4 Platinum	Chương trình F5 Diamond
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
Điều trị tại khoa cấp cứu Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của Bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ	5,000,000	10,000,000	15,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Y tá chăm sóc tại nhà Tối đa 182 ngày cho một năm Hợp đồng	6,000,000	8,000,000	10,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị nha khoa khẩn cấp Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện răng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật Tối đa cho một năm hợp đồng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	50,000,000	100,000,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHI PHÍ NĂM VIỆN	Chương trình F1 Bronze	Chương trình F2 Silver	Chương trình F3 Gold	Chương trình F4 Platinum	Chương trình F5 Diamond
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	150,000,000	250,000,000	500,000,000	1,000,000,000	1,500,000,000
 Trợ cấp viện công - theo ngày Áp dụng với các điều trị nội trú tại bệnh viện công tại Việt Nam Tối đa 30 ngày cho một năm hợp đồng	100,000	200,000	300,000	500,000	1,000,000
Vận chuyển y tế cấp cứu / Hồi hương	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển thi hài về quê quán	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Toàn bộ	Toàn bộ
Trợ cấp mai táng	500,000	1,000,000	2,000,000	3,000,000	5,000,000
Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật	24/7	24/7	24/7	24/7	24/7



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG TỰY CHỌN

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình O1	Chương trình O2	Chương trình O3	Chương trình O4	Chương trình O5
1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ					
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	10,000,000	15,000,000	20,000,000	35,000,000	100,000,000
Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa (Giới hạn mỗi lần khám)	1,000,000	2,000,000	3,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X quang (theo chỉ định bác sĩ)	1,000,000	2,000,000	3,000,000	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê (theo chỉ định bác sĩ)	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm)	250,000	350,000	450,000	750,000	1,250,000
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm)	250,000	350,000	450,000	750,000	1,250,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG TỰY CHỌN

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình O1	Chương trình O2	Chương trình O3	Chương trình O4	Chương trình O5
1. ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ					
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM	10,000,000	15,000,000	20,000,000	35,000,000	100,000,000
Kiểm tra sức khỏe định kỳ/ khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động (Tối đa cho một năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000
Tiêm vắc xin (Tối đa cho một năm hợp đồng)	500,000	500,000	500,000	1,250,000	1,250,000
Chăm sóc thị lực Kiểm tra thị lực (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng) và 1 đôi kính hoặc 1 đôi kính áp tròng (cho một năm hợp đồng)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1,000,000	2,000,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG TỰY CHỌN

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình O1	Chương trình O2	Chương trình O3	Chương trình O4	Chương trình O5
2. CHĂM SÓC NHA KHOA Được áp dụng khi mua cùng với điều trị ngoại trú bao gồm 20% đồng chi trả.					
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM					10,000,000
Kiểm tra răng định kỳ (bao gồm cạo vôi & đánh bóng) (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng)					2,000,000
Quyền lợi nha khoa cơ bản (Nhổ răng, trám amalgam, chụp X quang, lấy cao răng)					Toàn bộ
Quyền lợi nha khoa chủ yếu Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cắt u răng, cắt cuống răng					Toàn bộ



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

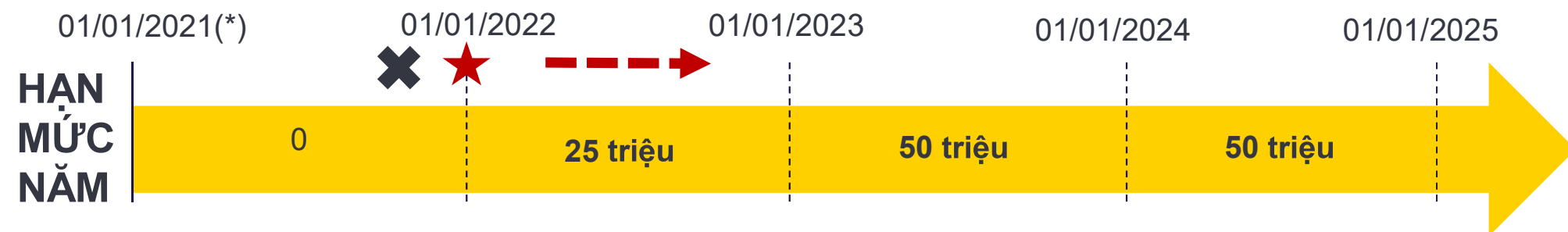
CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG TỰY CHỌN

CHI PHÍ Y TẾ	Chương trình O1	Chương trình O2	Chương trình O3	Chương trình O4	Chương trình O5
3. THAI SẢN Được áp dụng khi mua cùng chương trình nội trú					
GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM					50,000,000
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng và giới hạn hạn mức như sau:					Toàn bộ
Giới hạn tối đa trong năm đầu tiên kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản					0
Giới hạn tối đa trong năm thứ hai kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản					25,000,000
Giới hạn tối đa từ năm thứ ba trở đi kể từ ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi Thai sản					50,000,000



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

QUYỀN LỢI THAI SẢN



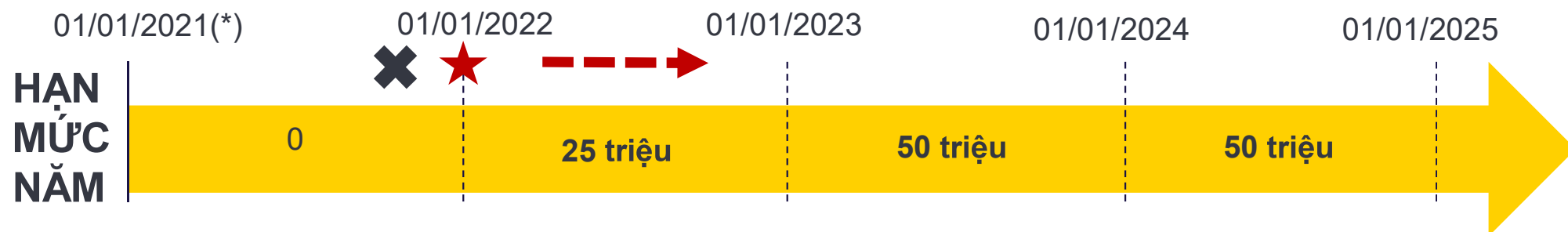
(*) Ngày hiệu lực đầu tiên của quyền lợi thai sản

- Thời gian chờ 12 tháng có nghĩa là: Nếu thời điểm cần thai (căn cứ vào kết quả khám thai đầu tiên) nằm trong khoảng thời gian từ 01/01/2021 đến 01/01/2022 thì quyền lợi thai sản sẽ không được chi trả
- Nếu thời điểm cần thai (căn cứ vào kết quả khám thai đầu tiên) từ ngày 01/01/2022, quyền lợi bảo hiểm thai sản bắt đầu được chi trả với hạn mức theo năm được thể hiện như trên. Tất cả các chi phí liên quan đến thai sản sẽ được chi trả, bao gồm chi phí trước khi sinh (bao gồm cả chi phí khám thai), chi phí sinh và chi phí sau sinh.



3. Bảng quyền lợi sản phẩm FamilyCare

QUYỀN LỢI THAI SẴN



Thời điểm cần thai	Thời điểm sinh	Số tiền chi trả tối đa
1/1/2021 - 31/12/2021	Bất kể thời gian nào	0
1/1/2022 – 31/12/2022	Bất kể thời gian nào	25 triệu
1/1/2023 trở đi	Bất kể thời gian nào	50 triệu
10/2021	6/2022	0
02/2022	11/2022	25 triệu
06/2022	03/2023	25 triệu
12/2022	09/2023	25 triệu
02/2023	11/2023	50 triệu



4. Quy tắc bán hàng

- Những điều kiện bán hàng sau có thể thay đổi dựa trên memo chính thức của Phòng thẩm định tại từng thời điểm:
 - Chủ hợp đồng
 - Vùng bảo hiểm
 - Đối tượng được bảo hiểm
 - Giới hạn tuổi
 - Quyền lợi bảo hiểm được mua
 - Đối tượng được bảo hiểm là trẻ em
 - Khám sức khỏe
 - Đồng chi trả
 - Thời gian chờ
 - Điều kiện mua quyền lợi thai sản

